

*Châu Thành, ngày 30 tháng 8 năm 2024*

Số: 241/2024/QĐST-DS

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;  
Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 22 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 434/2024/TLST-DS ngày 11/3/2024.

**XÉT THẤY**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1971.

Đại chi: Số E Khóm G, Phường F, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Bà Kim Thị Huỳnh S, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Khóm 4, Thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H với bị đơn bà Kim Thị Huỳnh S tự nguyện thỏa thuận thống nhất đề nghị Tòa án ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các bên cụ thể như sau:

Bà Kim Thị Huỳnh S tự nguyện mở lời đi cho bà Nguyễn Thị Thu H diện tích đất 7,9m<sup>2</sup> (Phần A) và diện tích 15,8m<sup>2</sup> (Phần B6). Tổng diện tích là 23,7m<sup>2</sup> nằm trong thửa số 29 tờ bản đồ số 5 tại Khóm D, Thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh thửa đất do bà Kim Thị Huỳnh S đứng tên quyền sử dụng đất.

Phần tài sản gắn liền trên đất là vách tường dài 4m x 2.3m = 9,2 m<sup>2</sup> do bà S xây dựng, bà H thống nhất giao lại cho bà S giá trị tài sản trên đất và giá đất của diện tích 23,7m<sup>2</sup> theo kết quả định giá mà Hội đồng định giá đã định tương đương với số tiền là 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng).

(Kèm sơ đồ khu đất theo Công văn số 1073/CNHCT, ngày 25/7/2024 của Văn phòng đăng ký đất chi nhánh huyện C)

Thời gian giao tiền giá trị phần đất và tài sản trên đất: Bà H sẽ giao cho S số tiền là 100.000.000đồng (*Một trăm triệu đồng*), giao trong tháng 12 năm 2024, bà H sẽ giao đủ cho bà S nhận số tiền này, bà S thông nhất sự tự nguyện này của bà H.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

#### **Về án phí dân sự sơ thẩm:**

+ Bà Nguyễn Thị Thu H tự nguyện nộp số tiền án phí là 1.250.000đồng (*Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp số tiền là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0002674 ngày 07 tháng 3 năm 2024 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh thu. Như vậy bà H còn phải nộp số tiền là 950.000đồng (*Chín trăm năm mươi nghìn đồng*).

+ Bà Kim Thị Huỳnh S tự nguyện nộp số tiền là 1.250.000đồng (*Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*). Nhưng do bà S thuộc diện được miễn án phí (Người cao tuổi) phù hợp theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà S có đơn xin giảm tiền án phí được Tòa án chấp nhận nên bà S không phải nộp án phí.

Về chi phí thẩm định và định tài sản: Tổng số tiền là 8.939.287đồng (*Tám triệu chín trăm ba mươi chín nghìn hai trăm tám mươi bảy đồng*) bà H tự nguyện nộp số tiền này. Bà H đã nộp đủ, bà S không phải nộp.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận: THẨM PHÁN**

- Dương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CC THADS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Thị Liên**

